TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2018/HS - ST
Ngày 21 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Bà Đinh Mai Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Xuân Chiêm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Thế Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường xét xử 1, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2018/TLST-HS ngày 09/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HS ngày 07/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ch; Tên gọi khác: không.

Sinh ngày 31/01/1975, tại Thủy Nguyên, Hải Phòng;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12;

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Con ông Nguyễn Quang C1, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Cao Thị D1, sinh năm 1952; Chồng: Ngô Bá Y, sinh năm 1973; Bị can có hai con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Xuân D; Tên gọi khác: không.

Sinh ngày 14/9/1979, tại Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Nơi ĐKHKTT:, phường M, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở:, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12;

Con ông Phạm Xuân Hùng, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Phương - Sinh năm 1979 (Đã ly hôn); Con: có một con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Ngọc H; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày 25/9/1991, tại Hạ Long, Quảng Ninh;

Nơi ĐKHKTT: phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12;

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1957(đã chết) và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1959(đã chết); Chồng : Mạc Anh T, sinh năm 1986 (Đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vũ Thị Quỳnh H1, sinh năm 1989; Nơi ĐKNKTT: Tổ 1, khu Cao Sơn 3, phường CS, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, Chí Linh, Hải Dương – Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xin xử án vắng mặt.

* Những người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Tâm T2, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Tổ 81, khu 7A, phường Cẩm Phú, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Vũ Thị Minh L, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, khu 5, phường Cẩm Thành, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 20 giờ 50 phút ngày 01/12/2017, tại phòng trọ của Vũ Thị Quỳnh H1 thuộc tổ 1, khu Cao Sơn 3, phường CS, Công an thành phố C kiểm tra phát hiện Nguyễn Thị Ngọc H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và Nguyễn Thị Ch, Phạm Xuân D, Nguyễn Thị Tâm T2 là những người có mặt trong phòng. Vật chứng thu giữ trên tay phải của H 02 (hai) túi nilon bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT; Thu trên bàn 01 (một) cân điện tử tiểu ly, 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy; Thu tại nền nhà 01(một) túi nilon màu đỏ bên trong có 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy; Thu tại sân phòng trọ 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Attila biển số14P7-1685; Thu của Ch 01 (một) điện thoại di động Iphone; Thu của D 2.500.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động Nokia.

Qúa trình điều tra, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ch đều khai nhận: Sáng ngày 01/12/2017, Vũ Thị Quỳnh H1 gọi điện cho Ch hỏi mua 05 gam ma túy. Ch đồng ý và gọi điện cho H hỏi mua 5 gam ma túy, thì H bảo giá 4.000.000 đồng. Ch gọi điện báo giá cho H1 là 5 gam ma túy với giá 5.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H gọi điện cho Hoan (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua 5 gam ma túy. Hoan nói giá 4.000.000 đồng. H nói chưa có tiền, có gì trả sau. Hoan đồng ý và hẹn gặp ở ngã tư Loong Toòng, thành phố Hạ Long. Tại đây, H mua được 5 gam ma túy do Hoan nhờ một người khác mang đến. Xong, H gọi điện cho Ch, nói phải trả cho H mấy trăm tiền công, nếu H đem ma túy sang Cẩm Phả cho Ch, nhưng Ch không đồng ý và bảo đã báo giá với người ta rồi, nên H bắt xe ôm đến nhà Ch ở khu 8B, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, đến nơi H vay Ch 100.000 đồng để trả tiền xe ôm. Sau đó, Ch điều khiển xe mô tô Attila biển số14P7-1685 chở Hưởng đến phòng trọ của H1 ở phường Cẩm Sơn, nhưng Hoa không có nhà, mà chỉ có T2

(em họ H1). Ch điện thoại cho Phạm Xuân D (là bạn trai) đến phòng trọ của H1. Một lúc sau Hoa về, thì H bỏ túi ma túy ra bàn thì Ch bảo với H1 đồ đây thử xem, rồi H1 để cân điện tử và bộ đồ sử dụng ma túy lên bàn. H bảo H1 lấy một ít ma túy đá trong túi nilon H mang theo cho vào nỏ. Lúc này, D cũng đến và đem theo 01 bộ đồ sử dụng ma túy, rồi tất cả cùng sử dụng ma túy trong nỏ. Sử dụng xong, H xin H1 01 vỏ túi nilon và đổ ma túy đá sang túi mới, còn túi nilon cũ còn một ít ma túy H để dưới đất. H1 nói còn hơn hai triệu đồng không đủ tiền lấy hết ma túy, chỉ lấy một nửa, thì Ch nói đã mua thì phải mua hết. H cũng bảo với H1 là không đồng ý bán lẻ mà phải bán hết số ma túy cầm sang. C bảo với H1 nếu thiếu tiền thì H1 đi vay và D cũng bảo H1 là "đi vay thêm tiền để mua cả túi ma túy". Sau đó, H1 để tiền lên bàn và bảo H đếm hộ, rồi H1 đi ra ngoài phòng trọ. H bảo C cầm tiền đếm được 2.500.000 đồng, rồi C đưa tiền cho D, D cầm tiền cất vào túi quần đang mặc. H cầm 02 túi ma túy ở tay. Trong khi cả bọn đợi H1 về, thì Công an đến kiểm tra, bắt giữ.

Quá trình điều tra H1 khai cuối tháng 10 năm 2017, tại nhà trọ của H1, H1 đã mua ma túy đá của cô C, chú D 1 triệu ma túy và C, D khai nhận: Khoảng một ngày cuối tháng 10/2017, D và C đến phòng trọ của H1 chơi, để D giới thiệu C là người yêu D. Khi đến, H1 hỏi mua của D 01 túi ma túy với giá 1.000.000 đồng. D cầm tiền, rồi đưa 01 túi ma túy cho H1, xong cùng C đi về. C không tham gia với D vào việc bán ma túy cho H1. Tuy nhiên, Phạm Xuân D khai quen biết C được một thời gian dài và cả hai đều sử dụng ma túy với nhau. Trước ngày bị bắt khoảng 5 tháng, C nói với D là có quen một người anh ở Hải Phòng bán ma túy và rủ D cùng bán ma túy. D đã cầm 02 bằng lái xe ô tô ở một tiệm cầm đồ tại Kiến An, Hải Phòng được 6.000.000 đồng, rồi đưa tiền cho C đi mua ma túy. Sau đó, cả hai đi về Hạ Long, C gửi ma túy cho một người anh xã hội. Từ lúc đó, C là người trực tiếp đem ma túy đi bán, còn D chỉ góp tiền và giới thiệu khách cho C. Do biết H1 có sử dụng và bán ma túy nên cuối tháng 10/2017, D dẫn C đến phòng trọ của H để giới thiệu C với H và D bảo H1 là D và C có mối lấy được ma túy, nếu có nhu cầu mua thì gọi điện cho C, nhưng H1 bảo không làm việc bán ma túy nữa. Trong lúc nói chuyện, H1 hỏi mua của C 1.000.000 đồng ma túy để sử dụng. C lấy 01 túi ma túy từ túi bóng trong người đưa H1. H1 cầm túi ma túy thì bảo chưa đủ. D bảo với C đưa thêm ma túy cho H1, thì C lấy thêm 03 túi ma túy nhỏ dồn vào túi ma túy ban đầu đưa H1. H1 cầm túi ma túy, rồi đưa C 1.000.000 đồng. Xong, D và C đi về, số tiền bán ma túy C sử dụng ăn uống sinh hoạt cùng D hết.

Tại bản kết luận giám định số 03/GĐMT ngày 04/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon thu của Nguyễn Thị Ngọc H (M1, M2) là ma túy, loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 4,22 gam. Hoàn lại M2: 4,08 gam.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 01/12/2017, H đang ở nhà thì nhận được điện thoại của C hỏi mua 5gam ma túy đá, H bảo C giá là 4.000.000 đồng. C đồng ý, sau đó H gọi điện cho H hỏi mua 5 gam ma túy, H bảo giá 4.000.000 đồng, H bảo Hoan chưa có tiền, có gì một tiếng nữa trả sau, Hoan đồng ý và hẹn gặp H ở ngã tư Loong Toòng, tại đây H đã mua được một gói ma túy đá do người của Hoan đưa đến, rồi H bắt xe ôm đến nhà C, rồi C dùng xe của C trở H đến nhà trọ của H1 ở phường Cẩm Sơn nhưng H1 không có

nhà mà chỉ có T (em họ H1), C gọi điện cho D đến nhà trọ của H1, sau đó H1 về và H bỏ túi ma túy đá ra bàn và bảo đồ đây thử đi và bảo H1 bỏ bộ sử dụng ma túy ra, H1 bỏ cân điện tử và bộ sử dụng ma túy đá lên bàn, H bảo H1 lấy một ít ma túy đá ra để thử, H1 lấy một ít ma túy đá trong túi nilon H bỏ ra cho vào nỏ rồi H, C, T, H1 sử dụng, rồi C ra đón D, H đã xin H1 01 vỏ túi nilon và H đổ ma túy đá sang túi mới, còn túi nilon cũ còn một ít ma túy thì H bỏ dưới đất và C dẫn D đi vào trong phòng và cũng thử ma túy còn trong nỏ, luc này H1 nói chỉ còn hơn hai triệu không đủ tiền lấy hết 5 gam, thì C nói đã mua thì phải mua hết không làm khó nhau, H bảo với C và H1 là không đồng ý bán lẻ mà phải bán hết số ma túy cầm sang, C, D bảo với H1 nếu thiếu tiền thì đi vay. H đồng ý với ý kiến của C là bảo H1 đi vay thêm tiền, sau đó H1 để tiền lên bàn ngay trước mặt H và bảo H đếm tiền hộ, rồi H1 đi ra khỏi phòng, H bảo C cầm tiền đếm được 2.500.000 đồng và bảo D cất tiền đi, D cầm tiền cất vào túi quần D đang mặc, H cầm 02 túi ma túy ở tay đợi H1 về thì Công an đến kiểm tra và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Bị cáo Nguyễn Thị C khai nhận: Vào tối ngày 30/11/2017 thì H1 là cháu quen biết ngoài xã hội gọi điện hỏi C xem có chỗ nào mua ma túy đá không, C bảo H1 để Cô hỏi xem. Đến sáng ngày 01 /12/2017 C gọi điện cho H nhưng lúc đó H không nghe máy, sau đó C nhắn tin cho H và được H gọi lại và C hỏi H có ma túy đá bán không nhưng lúc này H bảo chưa có và bảo khoảng 5 giờ chiều mới có, C hỏi H giá 5 gam ma túy đá thì bao nhiêu tiền, H bảo giá 5 gam là 4.000.000 đồng, rồi C bảo H lúc nào có ma túy thì gọi lại. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì C gọi điện cho H1 nói chuyện và hỏi H1 lấy bao nhiêu ma túy đá, thì H1 trả lời là lấy từ 1 đến 5 gam, C bảo H1 lấy ít người ta không bán đâu chỉ bán hộp 5 gam trở lên, H1 hỏi giá và C nói 5.000.000đồng 5 gam ma túy đá, H1 nói với C là 4.500.000 được không, C nói với H1 giờ đồ hiếm lắm lại ngon, bớt một nghìn nó cũng không bán đúng 5.000.000đồng, rồi C bảo H1 cứ chuẩn bị tiền đi chiều C mang ma túy xuống. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày H gọi điện cho C và báo có ma túy rồi, bảo C cầm tiền sang Hòn Gai lấy, C bảo H là không có tiền mà mua hộ đứa cháu rồi bảo H cầm sang đây và lấy tiền luôn. H bảo C là lấy ma túy đá 4.000.000đồng rồi, không có lãi thì H không cầm sang đâu, nếu cầm sang thì C phải trả cho H mấy trăm tiền công thì H mới cầm sang, C đồng ý và H cầm sang và bảo nhà gần Đèo Bụt đi đến đó thì gọi điện cho C, sau đó C gọi điện cho H1 hỏi H1 có nhà không để cầm ma túy đến thì H1 nói đang có việc khoảng 20 giờ mới về, C nói lại với H1 lúc nào C xuống đến nơi sẽ gọi điện lại. Lúc đó thì H cũng gọi điện đến nói là đã đến Đèo Bụt và bảo C cho vay 100.000 đồng để trả xe ôm, xong C trở H đi xuống nhà H1, trên đường đi C gọi điện cho D bảo D đến nhà H1 và cầm theo bộ sử dụng ma túy đá. Khi đến nhà trọ của H1 thì H1 chưa về chỉ có T (em họ H1) và lúc đó C ra đón D, một lúc sau H1 về và H bỏ túi ma túy đá ra bàn và bảo đồ đây thử đi và bảo H1 bỏ bộ sử dụng ma túy ra, H1 bỏ cân điện tử và bộ sử dụng ma túy đá lên bàn, H bảo H1 lấy một ít ma túy đá ra để thử, H1 lấy một ít ma túy đá trong túi nilon H bỏ ra cho vào nỏ rồi H, C, T, H1 sử dụng. Rồi C ra đón D, H đã xin H1 01 vỏ túi nilon và H đổ ma túy đá sang túi mới, còn túi nilon cũ còn một ít ma túy thì H bỏ dưới đất và C dẫn D đi vào trong phòng, luc này H1 nói chỉ còn hơn hai triệu không đủ tiền lấy hết mà lấy một nửa số ma túy thôi, C nói đã mua thì phải mua hết không làm khó nhau, H bảo với C và H1 là không đồng ý bán lẻ mà phải bán hết số ma túy cầm sang, C, D bảo với H1

nếu thiếu tiền thì đi vay ma lấy, sau đó H1 để tiền lại và đi ra ngoài, C nghĩ H1 đi vay tiền thì bảo D cất tiền đi, H cũng cầm ma túy lên tay thì Công an đến kiểm tra, H đã tự giác giao nộp cho Công an 02 túi ma túy và thu giữ của H 01 điện thoại FPT mầu đen, viền đỏ; thu trên bàn trong phòng H1 01 bộ đồ sử dụng ma túy của H1 bỏ ra để tất cả thử ma túy; 01 cân tiểu li điện tử của H1 cầm ra; thu 01 túi bóng mầu đỏ bên trong có 01 bộ đồ sử dụng ma túy của D cầm đến; thu giữ của C 01 điện thoại Iphone mầu vàng và 01 xe máy Attila biển số 14P7-1685; thu giữ của D 01 điện thoại Nokia mầu trắng đen và số tiền 2.500.000 đồng là tiền của H1 để lại C bảo D cất đi, sau đó Công an đưa C, D, H, T về trụ sợ lập biên bản và niêm phong toàn bộ vật chứng.

Bị cáo Phạm Xuân D khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 ngày 01/12/2017 D đang ở nhà thì C gọi điện đến rủ xuống nhà H1 à bảo D cầm theo bộ đồ sử dụng ma túy đá, lúc đó D bảo không có xe và tiền thì C nói cứ đi xe ôm đến C trả tiền xe ôm cho, D đi xe ôm đến và điện thoại cho C ra trả tiền xe ôm thì thấy C và T (sau này mới biết tên) đứng ở cổng, vào phòng thì D thấy trong phòng có H1, H (do C giới thiệu), lúc này D thấy H đặt một túi ma túy lên bàn và nói với H1 lấy một ít ra thử, H1 lấy một ít ra cho vào nỏ rồi H1, T, H, C và D cũng sử dụng hết chỗ ma túy đó, D thấy H1 đưa tiền cho C và nói không đủ tiền lấy hết chỉ lấy ½ ma túy thôi, H nói không đồng ý bán bán ½ số ma túy đâu, thì thấy C nói với H1 "lần đầu phải sòng phẳng" không đủ tiền thì đi vay mà lấy hết đi, lúc đó D và H cũng bảo H1 là đi vay thêm tiền mà lấy hết đi, C đếm tiền và đưa cho D cầm, D cầm tiền và đút vào túi quần, H đi ra ngoài. D, H, C, T ngồi nói chuyện một lúc thì Công an đến kiểm tra, thu giữ của D 01 điện thoại Nokia mầu trắng đen và số tiền 2.500.000 đồng là tiền của H1 để lại C bảo D cất đi; H đã tự giác giao nộp cho Công an 02 túi ma túy và thu giữ của H 01 điện thoại FPT mầu đen, viền đỏ; thu trên bàn trong phòng H1 01 bộ đồ sử dụng ma túy của H1 bỏ ra để chúng tôi thử ma túy; 01 cân tiểu li điện tử và 01 túi bóng mầu đỏ bên trong có 01 bộ đồ sử dụng ma túy của D cầm đến; thu giữ của C 01 điện thoại Iphone mầu vàng và 01 xe máy Attila biển số 14P7-1685, sau đó Công an đưa C, D, H, T về trụ sợ lập biên bản và niêm phong toàn bộ vật chứng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C, D còn khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 10/2017 cả hai không nhớ ngày, sau khi C và D sang Kiến An, Hải Phòng cả hai bàn với nhau đến hiệu Cầm đồ Cô Vẻ (không nhớ địa chỉ) ở Kiến An, Hải Phòng cầm 02 giấy phép lái xe ô tô (01 của D, 01 của C) cầm được 6.000.000 đồng, có giấy ghi nhận cầm đồ, C đã làm mất, về đến khu vực cầu Bính, Hải Phòng, C mua của người không quen biết 01 gói ma túy đá giá 2.000.000 đồng và mang về Quảng Ninh, mục đích để sử dụng và tìm người để bán. Sau cả hai về Quảng Ninh rồi D đưa C vào phòng trọ của H1 ở phường Cẩm Sơn, D giới thiệu C với H1 và bảo H1 cô C có mối lấy được ma túy, nếu có nhu cầu mua thì gọi điện thoại cho cô C, nhưng H1 bảo không làm việc bán ma túy nữa rồi, đồng thời H1 hỏi mua của C 1.000.000 đồng ma túy để sử dụng. C lấy 01 túi nilon ma túy trong người ra đưa cho H1, H1 cầm túi ma túy và nói ít, chưa đủ, ngay lúc đó D bảo C đưa thêm, C lấy thêm 03 túi nhỏ ma túy dồn vào 01 túi nilon rồi đưa cho H1, H1 cầm túi ma túy rồi đưa cho C 1.000.000 đồng, xong D và C đi về, số tiền bán ma túy đó C đã sử dũng ăn uống sinh hoạt cho cả hai hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị Quỳnh H1 và cũng là người trực tiếp mua ma túy đá của C, D, H, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai và đối chiếu phù hợp với lời khai của C, D, H về việc tối ngày 01/12/2017 mua của C, H 05 gam ma túy với giá 5.000.000 đồng, nhưng do chỉ có 2.500.000 đồng, nên H1 không đủ tiền mua và đã để tiền lại trên bàn phòng trọ rồi đi về. H1 còn khai cuối tháng 10/2017, D dẫn C đến phòng trọ của H1 và D bảo với H1 là có mối lấy được ma túy muốn nhờ H1 bán hộ nhưng H1 từ chối. Sau đó, H1 hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy của C. C đồng ý và lấy 01 túi ma túy đưa H1. H1 xem túi ma túy thì bảo không đủ. D bảo với C là đưa thêm cho H1. C lấy thêm 03 túi ma túy nhỏ dồn vào túi ma túy ban đầu đưa cho H1. H1 cầm túi ma túy rồi đưa 1.000.000 đồng cho C. Số ma túy trên, H1 đã sử dụng hết.

Người làm chứng Nguyễn Thị Tâm T khai nhận: khoảng 18 giờ 30 ngày 01/12/2017 T có đến phòng trọ của Hoa chơi, khi đến nơi T thấy có một mình Hoa ở nhà, lúc này Hoa có nhờ T trông nhà hộ H1 đi ra ngoài có chút việc và dặn nếu có đến hỏi thì bảo họ chờ một lúc. Một lúc sau có hai người phụ nữa đến và sau này T được biết họ tên là C và H, rồi T bảo C và và H vào nhà đợi H1. Khoảng 15 phút sau H1 về thì H bỏ 01 túi nilon mầu trắng trong có kẻ đỏ bên trong có chứa tinh thể mầu trắng để lên bàn, lúc này thì có bạn của C đến và T đứng dậy đi ra mở cổng cho bạn của C vào và được biết người vừa đến tên là D rồi chúng tôi cùng vào trong nhà. Khi thấy H bảo H1 thử ma túy của H, H1 xúc một ít ma túy trong túi ra cho vào bộ đồ sử dụng ma túy và tất cả cùng sử dụng, sau đó T lấy điện thoại ra chơi điện tử và thấy H1 đi ra ngoài, lúc sau thấy Công an đến kiểm tra, T thấy H đã tự giác giao nộp cho Công an 02 túi ma túy và thu giữ của H 01 điện thoại FPT mầu đen, viền đỏ; thu trên bàn trong phòng Hoa 01 bộ đồ sử dụng ma túy của H1 bỏ ra để chúng tôi thử ma túy; 01 cân tiểu li điện tử của H cầm đến; thu 01 túi bóng mầu đỏ bên trong có 01 bộ đồ sử dụng ma túy của D cầm đến; thu giữ của C 01 điện thoại Iphone mầu vàng và 01 xe máy Attila biển số 14P7-1685; thu giữ của D 01 điện thoại Nokia mầu trắng đen và số tiền 2.500.000 đồng là tiền của H1 để lại C bảo D cất đi, sau đó Công an đưa tất cả T, C, D, H về trụ sợ lập biên bản và niêm phong toàn bộ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSCP, ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo tố Nguyễn Thị C và Phạm Xuân D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 (bị cáo Chung áp dụng thêm khoản 2) Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị C mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 02/12/2017.

Tuyên phạt bị cáo Phạm Xuân D mức từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 02/12/2017.

Căn cứ: khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 02/12/2017.

Truy thu 1.000.000 đ (Một triệu đồng), số tiền do các bị cáo C và D phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và quan điểm xử lý vật chứng.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo C, D, H đã ân hận về lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, cả ba bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo có nội dung phù hợp nhau, giống nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng cùng các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị C, bị cáo Phạm Xuân D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn mang tính tự phát, mục đích mua bán ma túy để kiếm lời và sử dụng nhưng bị cáo C và D thực hiện bán ma túy 2 lần, H bán ma túy 1 lần, hoạt động kiếm lời hoàn toàn riêng biệt không thể hiện ăn chia cùng nhau, nhưng xét hành vi của các bị cáo trong các lần bán ma túy cho H1 thấy: Lần bán ma túy cho H1 vào cuối tháng 10 năm 2017 giữa C và D thì C là người rủ D cầm giấy phép lái xe làm vốn mua ma túy về bán, D đồng ý và D là người tham gia tích cực, là người đưa C đi, đưa giấy phép lái xe của mình cho C cầm cố lấy tiền và là người giới thiệu người mua để C bán ma túy, lợi nhuận sử dụng sinh hoạt chung. Do vậy trong lần bán ma túy đá này C và D có vài trò ngang nhau.

Lần bán ma túy thứ 2 ngày 01/12/2017 người khởi xướng bảo Hưởng mang ma túy từ Hạ Long sang Cẩm Phả là Chung và bán số ma túy trên cho Hoa là Chung, Hưởng là đồng phạm tích cực là người trực tiếp mua ma túy của Hoan mang sang Cẩm Phả bán cho Chung, nhưng trực tiếp giao ma túy cho Hoa. Do vậy vai trò của Chung và Hưởng là ngang nhau.

Đối với Dũng việc thỏa thuận mua bán ma túy đá , giá cả giữa C, H, H1. D không được biết mà chỉ sau khi C gọi điện thoại nói đến phòng trọ của H1, khi đến

phòng trọ của H1, nghe C giới thiệu H bán ma túy D mới biết, do D có quan hệ chú cháu với H1 từ trước lên tham gia bảo H1 đi vay thêm tiền về mua hết số ma túy mà H cầm sang và nghe C bảo cầm 2.500.000 đồng tiền mua ma túy của H để lại D cầm. Do vậy D chỉ là vai trò đồng phạm giữ vai trò thứ yếu, góp sức không đáng kể, bởi lẽ nếu D không đến hoặc không tham gia gì thì việc mua bán ma túy của C, H vẫn diễn ra lên D đứng vai trò sau C là phù hợp. Xét các hành vi của từng bị cáo, thấy các bị cáo đều là người trưởng thành, nhận biết được tác hại của ma tuý cũng như sự nghiêm cấm của pháp luật. Nhưng ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém, hám lời, lối sống buông thả, bất chấp pháp luật nghiêm cấm đã bán trái phép chất ma túy. Để có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân và có ma túy sử dụng, bị cáo C và D đã thực hiện hành vi mua ma túy, sau đó san chia, đóng thành từng túi nhỏ, bán cho người khác kiếm lời. Đối với bị cáo H, biết C bán ma túy, giúp C 01 lần mua ma túy hộ để bán cho H1. Việc các bị cáo bị phát hiện, xử lý là nằm ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước và tiếp tay cho những đối tượng buôn bán ma túy hoạt động. Không những thế, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục của dân tộc và làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục răn đe phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử, thấy cả ba bị cáo đều xuất thân từ gia đình lao động, nhận thức pháp luật hạn chế, sau khi bị bắt cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, riêng đối với bị cáo C có bố mẹ tham gia cách mạng, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất và kỷ niệm chương thanh niên xung phong, từ phân tích trên nên xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho cả ba bị cáo, nhưng dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vũ Thị Quỳnh Hoa vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử án vắng mặt và không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét cả ba bị cáo, đều sử dụng ma túy, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với hai bị cáo C và H là phù hợp có căn cứ pháp luật, nhưng về mức hình phạt đối với bị cáo D có phần hơi nghiêm khắc với hành vi đồng phạm của Dũng, lần bán ma túy ngày 01/12/2017, bởi trong lần phạm tội này hành vi đồng phạm giúp sức của D không đáng kể như Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên.

[8] Đối với người tên Hoan bán ma túy cho Hưởng (theo như H khai), do không có địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở làm rõ. Đối với Vũ Thị Quỳnh H1 có hành vi hỏi mua ma túy của C, H để sử dụng nhưng sau bỏ ra ngoài, quá trình điều tra không chứng minh được H1 có mua nữa hay không, nay H1 đã bị bắt, truy tố

trong vụ án khác, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không truy tố, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Về vật chứng vụ án:

- 01 phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 03/ GĐMT mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; 02 bộ đồ sử dụng ma túy gồm (01 chai nhựa, nắp chai có gắn nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa); 01 cân tiểu ly và 01 túi nilon màu đỏ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 02 chiếc điện thoại gồm (01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model b16 mầu đen, viền đỏ kèm 1 sim, 2 sim và 01 điện thoại di động Iphone mầu vàng trắng model: A1549 FCC ID: BCG-E2816A IC: 579-E2816A); 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila biển số 14P7-1685, màu sơn bạc, số máy: VMM9BF-DO13784, số khung: RLGH125HD7DO013784 các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động Nokia mầu đen trắng, model: 110i kèm 01 pin, 01sim thu giữ của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội, nay vụ án kết thúc cần trả lại cho bị cáo D.

- Truy thu của bị cáo C 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và của bị cáo D 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), số tiền do các bị cáo C và D phạm tội mà có nộp Ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 02/12/2017.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Phạm Xuân D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân D 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 02/12/2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) thángtù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 02/12/2017.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên dấu niêm phong số 03/ GĐMT mẫu vật hoàn lại sau giám định; 02 bộ đồ sử dụng ma túy gồm (01 chai nhựa, nắp chai có gắn nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa); 01 cân tiểu ly và 01 túi nilon màu đỏ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); 02 chiếc điện thoại gồm (01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model b16 mầu đen, viền đỏ kèm 1 sim, 2 sim và 01 điện thoại di động Iphone mầu vàng trắng model: A1549 FCC ID: BCG-E2816A IC: 579-E2816A); 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila biển số 14P7-1685, màu sơn bạc, số máy: VMM9BF-DO13784, số khung: RLGH125HD7DO013784.

Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mầu đen trắng, model: 110i kèm 01 pin, 01sim.

Toàn bộ vật chứng, tình trạng như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 120/BB-THA, ngày 05/ 6/2018 giữa Công an thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và theo Biên lai thu tiền số 0007194 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Truy thu, buộc: Bị cáo Nguyễn Thị C và bị cáo Phạm Xuân D mỗi bị cáo phải nộp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị C, bị cáo Phạm Xuân D, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - 21/6/2018. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo; Người có QLNVLQ;*
- *VKSND thành phố Cẩm Phả;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TP. Cẩm Phả;*
- *Cơ quan THAHS Công an TP. Cẩm Phả;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Trọng